



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Tháng 2 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Trần Đức Thanh	Ủy viên
Ông Đậu Ngọc Thanh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lương	Ủy viên
Bà Trần Thị Phương Mai	Ủy viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Thế Dũng	Thành viên ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Tuyết	Thành viên ban kiểm soát

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc
Ông Văn Anh Hùng	Phó Giám đốc
Ông Hồ Hữu Phước	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đức Thành
Giám đốc

Ngày 08 tháng 02 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 020802/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế**

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.475.526.360	43.784.974.620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.762.174.743	2.997.184.454
1. Tiền	111	V.1	2.762.174.743	2.997.184.454
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.256.023.496	32.951.509.203
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	15.191.785.125	24.212.420.022
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		306.925.798	1.521.206.789
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	4.658.594.166	8.093.038.855
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(901.281.593)	(875.156.463)
III. Hàng tồn kho	140	V.5	13.316.442.336	7.720.384.133
1. Hàng tồn kho	141		13.389.404.094	7.793.345.891
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(72.961.758)	(72.961.758)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		140.885.785	115.896.830
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	140.885.785	115.896.830
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.329.937.554	3.131.282.494
I. Tài sản cố định	220		2.523.119.728	2.828.668.785
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.523.119.728	2.828.668.785
- Nguyên giá	222		10.764.407.952	10.666.807.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.241.288.224)	(7.838.139.167)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		436.845.584	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	436.845.584	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	239.676.403
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	239.676.403
IV. Tài sản dài hạn khác	260		369.972.242	62.937.306
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	369.972.242	62.937.306
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.805.463.914	46.916.257.114

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.095.428.687	28.526.734.967
I. Nợ ngắn hạn	310		21.095.428.687	28.526.734.967
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	8.908.987.950	3.407.659.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		285.059.388	9.074.092.023
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7	1.118.994.205	2.188.857.468
4. Phải trả người lao động	314		1.698.951.196	4.219.459.953
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		85.070.226	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.531.041.530	4.948.364.097
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	6.754.407.264	4.009.014.116
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.12	381.260.523	299.783.035
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		331.656.405	379.504.604
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.710.035.227	18.389.522.147
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	17.710.035.227	18.389.522.147
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.197.100.000	13.197.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.197.100.000	13.197.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.544.508.710	2.544.508.710
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.959.566.517	2.639.053.437
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.959.566.517	2.639.053.437
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		38.805.463.914	46.916.257.114

Trần Thị Lương



Trần Thị Lương
Người lập

Ngày 08 tháng 02 năm 2018

Trần Thị Lương
Kế toán trưởng

Trần Đức Thanh
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	57.072.773.858	45.020.909.014
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		57.072.773.858	45.020.909.014
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.601.351.728	38.056.509.728
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.471.422.130	6.964.399.286
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	112.217.466	27.146.282
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	545.797.384	455.563.498
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		544.367.384	272.286.641
7. Chi phí bán hàng	25		175.375.452	132.949.086
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.751.298.229	3.981.792.213
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.111.168.531	2.421.240.771
10. Thu nhập khác	31	VI.6	401.941.738	978.702.193
11. Chi phí khác	32	VI.7	58.108.110	89.402.977
12. Lợi nhuận khác	40		343.833.628	889.299.216
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.455.002.159	3.310.539.987
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	495.435.642	671.486.550
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.959.566.517	2.639.053.437
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.337	1.800
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.337	1.800

Luong



Trần Đức Thanh

Trần Thị Lương
 Người lập
 Ngày 08 tháng 02 năm 2018

Trần Thị Lương
 Kế toán trưởng

Trần Đức Thanh
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	58.127.761.058	54.857.519.427
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(47.191.120.637)	(38.713.765.366)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.260.589.389)	(8.813.212.005)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(504.751.703)	(272.286.641)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(641.523.803)	(737.851.138)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.276.951.842	2.831.450.361
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.504.688.332)	(6.603.152.052)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(697.960.964)	2.548.702.586
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(258.745.880)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	349.609.457	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.172.528	26.764.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	93.036.105	26.764.756
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	25.118.088.841	8.275.016.290
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.372.695.693)	(7.808.525.740)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.375.478.000)	(1.118.048.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	369.915.148	(651.557.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(235.009.711)	1.923.909.492
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.997.184.454	1.072.893.436
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	381.526
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.762.174.743	2.997.184.454

Trần Thị Lương



Trần Thị Lương
 Người lập
 Ngày 08 tháng 02 năm 2018

Trần Thị Lương
 Kế toán trưởng

Trần Đức Thanh
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (gọi tắt là “Công ty”) là công ty con của Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 122/2003/QĐ-BCN ngày 11/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 theo Quyết định số 03QĐ/XLD 3.3-HĐQT ngày 20/02/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900576216 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 13.197.100.000 đồng, được chia thành 1.319.710 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là VE3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 70 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 80 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi; Xây dựng các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV);
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xử lý nền móng các công trình;
- Mua bán xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng;
- Lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (chi tiết: Sản xuất cột điện bê tông, công bê tông ly tâm, cống rung lắc và các sản phẩm từ bê tông);
- Sản xuất thiết bị điện khác; và
- Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	02 - 11
Phương tiện vận tải	07
Thiết bị dụng cụ quản lý	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	424.017.180	94.375.001
Tiền gửi ngân hàng	2.338.157.563	2.902.809.453
Cộng	2.762.174.743	2.997.184.454

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam	1.650.707.341	9.902.208.342
Công ty TNHH Phong Luyến	2.662.557.484	3.011.305.158
Ban quản lý dự án Phát triển Điện lực	1.960.036.467	-
Ban quản lý dự án lưới điện Phong Thổ - Mường So	870.400.471	3.681.872.241
CTCP thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	240.315.592	561.960.764
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xây lắp điện	846.053.335	1.009.835.710
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	1.186.091.603	2.901.773.580
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.775.622.832	3.143.464.227
Cộng	15.191.785.125	24.212.420.022
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh số VII.2 - Thông tin các bên liên quan)	2.836.798.944	12.815.981.922

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Tạm ứng	4.580.346.051	7.579.493.550
b. Phải thu khác	78.248.115	513.545.305
Các khoản phải thu Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	-	194.978.000
Phải thu khác	78.248.115	318.567.305
Cộng	4.658.594.166	8.093.038.855
c. Phải thu khác là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh số VII.2 - Thông tin các bên liên quan)	-	194.978.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**4. Nợ xấu**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Việt Á	327.472.400	327.472.400	-	327.472.400	327.472.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp Việt Á	254.728.513	254.728.513	-	254.728.513	254.728.513	-
Các đối tượng khác	344.705.810	319.080.680	25.625.130	293.587.834	292.955.550	632.284
Cộng	926.906.723	901.281.593	25.625.130	875.788.747	875.156.463	632.284

5. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.221.595.219	33.762.087	987.642.972	33.762.087
Công cụ, dụng cụ	7.154.596	1.878.552	17.611.214	1.878.552
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.948.939.353	-	2.674.387.949	-
Thành phẩm	2.211.714.926	37.321.119	4.113.703.756	37.321.119
Cộng	13.389.404.094	72.961.758	7.793.345.891	72.961.758

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ là 72.961.758 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 72.961.758 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	3.896.619.770	3.700.459.403	2.982.632.826	87.095.953	10.666.807.952
Mua trong năm	-	60.000.000	-	37.600.000	97.600.000
Tại ngày 31/12/2017	3.896.619.770	3.760.459.403	2.982.632.826	124.695.953	10.764.407.952
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	3.352.373.058	2.359.896.169	2.046.330.802	79.539.140	7.838.139.167
Khấu hao trong năm	28.445.912	235.469.356	134.019.270	5.214.519	403.149.057
Tại ngày 31/12/2017	3.380.818.970	2.595.365.525	2.180.350.072	84.753.659	8.241.288.224
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	544.246.712	1.340.563.234	936.302.024	7.556.813	2.828.668.785
Tại ngày 31/12/2017	515.800.800	1.165.093.878	802.282.754	39.942.294	2.523.119.728

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết còn sử dụng là 5.795.423.545 đồng. Giá trị còn lại của tài sản cố định mang cầm cố thế chấp tại ngân hàng là 1.991.595.741 đồng.

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong kỳ VND	01/01/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	814.062.756	5.710.993.125	6.635.307.287	1.738.376.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp	303.402.389	495.435.642	641.523.803	449.490.550
Thuế thu nhập cá nhân	1.529.060	21.563.027	21.023.967	990.000
Tiền thuế đất	-	210.270.477	210.270.477	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.118.994.205	6.441.262.271	7.511.125.534	2.188.857.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Chi phí trả trước	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	60.129.999	60.255.589
Chi phí trả trước khác	80.755.786	55.641.241
Cộng	140.885.785	115.896.830
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	335.423.709	32.920.477
Chi phí trả trước khác	34.548.533	30.016.829
Cộng	369.972.242	62.937.306
9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Sửa chữa nhà xưởng	318.186.793	-
Sửa chữa, gia công giàn xắc xi quay cột	118.658.791	-
Cộng	436.845.584	-
10. Phải trả người bán ngắn hạn		
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Phong Luyến	-	1.285.898.500
Công ty TNHH Hoa Thường	880.055.282	626.963.285
Công ty CP Đầu tư xây dựng điện và viễn thông Hoàng Sa	1.819.850.200	-
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Thắng	1.414.036.415	100.230.384
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc - Tổng công ty điện lực Miền Bắc	1.049.804.583	-
Các nhà cung cấp khác	3.745.241.470	1.394.567.502
Cộng	8.908.987.950	3.407.659.671
11. Phải trả ngắn hạn khác		
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	40.261.044	49.230.568
Bảo hiểm xã hội	86.194.592	164.889.651
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.404.585.894	4.734.243.878
Cộng	1.531.041.530	4.948.364.097
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp	381.260.523	299.783.035
Cộng	381.260.523	299.783.035

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh (i)	6.754.407.264	6.754.407.264	23.643.574.396	20.898.181.248	4.009.014.116	4.009.014.116
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Trung Đô	-	-	1.474.514.445	1.474.514.445	-	-
Cộng	6.754.407.264	6.754.407.264	25.118.088.841	22.372.695.693	4.009.014.116	4.009.014.116

(i) Giá trị khoản vay này được ký kết theo các hợp đồng sau:

- HĐTD số 01/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 20 tháng 01 năm 2017. Số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 6.000.000.000 đồng. Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu xây lắp đường dây 110 KV và trạm biến áp Bắc Á tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 5 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- HĐTD số 02/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 23 tháng 01 năm 2017. Số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 7.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu dự án hoàn thiện sơ đồ các Trạm biến áp 110 KV của Tổng công ty điện lực miền Bắc giai đoạn 2. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- HĐTD số 03/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 17 tháng 03 năm 2017. Số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 2.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu dự án lắp máy biến áp T2 trạm biến áp 110 KV Hoàng Hóa và trạm biến áp 110 KV Kỳ Anh chống quá tải mùa khô 2017. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- HĐTD số 04/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 28 tháng 04 năm 2017. Số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 2.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu cải tạo ĐDK 110 KV Hà Đông - Sơn Tây. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017-HĐCVHM/NHCT442-VNECO 3 ngày 16 tháng 05 năm 2017. Hạn mức cho vay có tổng giá trị không vượt quá 5.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cột điện, cột, ống bê tông các loại... Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay kể từ ngày 16/5/2017 đến ngày 16/5/2018. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với đất theo hợp đồng thuê đất đã được ký giữa Công ty với Sở tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An, toàn bộ máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Công ty với giá trị thể chấp là 39.643.075.751 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**14. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	13.197.100.000	8.860.000	2.018.696.693	3.453.576.106	18.678.232.799
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	2.639.053.437	2.639.053.437
Phân phối lợi nhuận	-	-	525.812.017	(525.812.017)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(552.286.088)	(552.286.088)
Trả cổ tức	-	-	-	(2.375.478.001)	(2.375.478.001)
Số dư tại ngày 01/01/2017	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	2.639.053.437	18.389.522.147
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	1.959.566.517	1.959.566.517
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(263.575.437)	(263.575.437)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(2.375.478.000)	(2.375.478.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	1.959.566.517	17.710.035.227

(i) Giá trị phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2017 số 01NQ/VNECO3-DHDCD ngày 26 tháng 04 năm 2017. Cụ thể:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 263.575.437 đồng.
- Chia cổ tức: 2.375.478.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.319.710	1.319.710
- Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.319.710	1.319.710
- Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận xây lắp và bộ phận sản xuất. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây lắp: Xây dựng các công trình, cho thuê kho bãi tại các công trường.
Bộ phận sản xuất: Sản xuất các ống bê tông, cọc bê tông ly tâm.

Công ty không có chi nhánh, do đó chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Bộ phận sản xuất	Bộ phận xây lắp và cho thuê kho	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản			
Tài sản bộ phận	6.069.253.873	25.666.727.104	31.735.980.977
Tài sản không phân bổ	-	-	7.069.482.937
Tổng tài sản			<u><u>38.805.463.914</u></u>
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	597.346.253	8.596.701.085	9.194.047.338
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	11.901.381.349
Tổng nợ phải trả			<u><u>21.095.428.687</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017

	Bộ phận sản xuất	Bộ phận xây lắp và cho thuê kho	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	4.642.364.264	26.360.800.811	31.003.165.075
Tài sản không phân bổ			15.913.092.039
Tổng tài sản			46.916.257.114
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	1.267.269.587	2.140.390.084	3.407.659.671
Nợ phải trả không phân bổ			25.119.075.296
Tổng nợ phải trả			28.526.734.967

Năm 2017

	Bộ phận sản xuất	Bộ phận xây lắp và cho thuê kho	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	14.059.216.028	43.013.557.830	57.072.773.858
Tổng doanh thu	14.059.216.028	43.013.557.830	57.072.773.858
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11.977.331.908	38.624.019.820	50.601.351.728
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.081.884.120	4.389.538.010	6.471.422.130
Chi phí không phân bổ			3.926.673.681
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.544.748.449
Doanh thu từ các khoản đầu tư			112.217.466
Lợi nhuận khác			343.833.628
Chi phí tài chính			545.797.384
Lợi nhuận trước thuế			2.455.002.159
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			495.435.642
Lợi nhuận trong năm			1.959.566.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Năm 2016

	Bộ phận sản xuất	Bộ phận xây lắp và cho thuê kho	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.666.935.715	37.353.973.299	45.020.909.014
Tổng doanh thu	7.666.935.715	37.353.973.299	45.020.909.014
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	5.936.939.507	32.119.570.221	38.056.509.728
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.729.996.208	5.234.403.078	6.964.399.286
Chi phí không phân bổ			4.114.741.299
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.849.657.987
Doanh thu từ các khoản đầu tư			27.146.282
Lợi nhuận khác			889.299.216
Chi phí tài chính			455.563.498
Lợi nhuận trước thuế			3.310.539.987
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			671.486.550
Lợi nhuận trong năm			2.639.053.437

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	42.638.749.023	37.039.203.740
Doanh thu bán hàng	14.059.216.028	7.666.935.715
Doanh thu cung cấp dịch vụ	374.808.807	314.769.559
Cộng	57.072.773.858	45.020.909.014
b. Doanh thu với các bên liên quan (Xem tại Thuyết minh số VII.2 - Thông tin các bên liên quan)	12.562.922.988	17.602.783.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	38.122.867.212	31.840.255.095
Giá vốn của thành phẩm đã bán	11.977.331.908	5.936.939.507
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	501.152.608	279.315.126
Cộng	50.601.351.728	38.056.509.728
b. Giá vốn với các bên liên quan (Xem tại Thuyết minh số VII.2 - Thông tin các bên liên quan)	-	2.292.334.893

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	2.230.017	6.631.956
Lãi bán chứng khoán	109.987.449	20.132.800
Chênh lệch tỷ giá	-	381.526
Cộng	112.217.466	27.146.282

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	544.367.384	272.286.641
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.430.000	183.276.857
Cộng	545.797.384	455.563.498

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	2.024.326.474	2.144.433.390
Chi phí khấu hao	21.279.619	93.163.584
Chi phí công cụ dụng cụ	71.799.691	162.658.506
Chi phí mua ngoài khác	1.607.767.315	1.581.536.733
Dự phòng công nợ phải thu khó đòi	26.125.130	-
Cộng	3.751.298.229	3.981.792.213

6. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, bán phế liệu	-	154.545.455
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	132.598.597	735.062.322
Các khoản khác	269.343.141	89.094.416
Cộng	401.941.738	978.702.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Chi phí khác	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	22.176.050	62.427.089
Các khoản khác	35.932.060	26.975.888
Cộng	58.108.110	89.402.977

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.455.002.159	3.310.539.987
Cộng: Chi phí không được trừ	22.176.050	62.427.089
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	20.514.326
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	495.435.642	670.490.550
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm 2015 vào chi phí thuế TNDN năm 2016	-	996.000
Cộng	495.435.642	671.486.550

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.959.566.517	2.639.053.437
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (i)	(195.711.687)	(263.575.437)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.763.854.830	2.375.478.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.319.710	1.319.710
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.337	1.800

(i) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính của là 9,99% của lợi nhuận năm 2017. Tỷ lệ lợi nhuận ước tính là tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được đại hội đồng cổ đông phê duyệt dựa theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

	Số báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.639.053.437	-	2.639.053.437
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(135.944.691)	(127.630.746)	(263.575.437)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để	1.319.710	-	1.319.710
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.897		1.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.805.806.639	16.218.808.861
Chi phí công cụ dụng cụ	726.206.338	327.734.245
Chi phí nhân công	13.649.209.849	17.556.145.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.149.057	505.799.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.137.392.675	4.776.958.418
Chi phí khác bằng tiền	5.403.603.891	4.849.380.968
Cộng	61.125.368.449	44.234.827.544

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam
 Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2
 Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4
 Công ty CP Xây dựng Điện VNECO8
 Công ty CP Xây dựng Điện VNECO7
 Công ty CP Xây dựng Điện VNECO10
 Công ty CP Xây dựng Điện VNECO12
 Ông Trần Văn Huy
 Ông Đậu Ngọc Thanh
 Ông Trần Đức Thanh
 Bà Trần Thị Lương
 Bà Trần Thị Phương Mai

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Hội Đồng Quản trị
 Hội Đồng Quản trị
 Hội Đồng Quản trị
 Hội Đồng Quản trị
 Hội Đồng Quản trị

Trong kỳ Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	12.562.922.988	17.602.783.384
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	11.747.540.890	13.201.396.644
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	781.380.021	4.401.386.740
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	34.002.077	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	-
Giá vốn bán hàng	-	2.292.334.893
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	-	2.292.334.893
Thu tiền	22.382.581.823	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	19.723.656.141	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	83.725.682	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	2.575.200.000	-
Trả tiền	47.499.546	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	47.499.546	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan*

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải thu	2.836.798.944	12.815.981.922
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.650.707.341	9.902.208.342
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	1.186.091.603	2.901.773.580
Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 10	-	12.000.000
Các khoản phải thu khác	-	194.978.000
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	-	194.978.000

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương	528.000.000	528.000.000
Tiền thưởng, thù lao	375.593.200	593.287.100
Cộng	903.593.200	1.121.287.100

2. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

**Trần Thị Lương****Người lập**

Ngày 08 tháng 02 năm 2018

Trần Thị Lương
Kế toán trưởng**Trần Đức Thanh**
Giám đốc